

Bản án số: **14/2021/HS-ST**

Ngày: 17-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Quang** – Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 03 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thanh T - Sinh ngày 18/3/1983 tại TP Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: K45/H17/15 đường L, tổ 49, phường X, quận T, TP. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T (đã chết) và bà Từ Thị Th (sinh năm 1957). Vợ: Nguyễn Thị L (sinh năm 1986, đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 30/9/1999 bị TAND quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 73/1999/HSST.

+ Ngày 27/11/2002 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 78/2002/HSPT.

+ Ngày 09/8/2012 bị TAND quận H, TP Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án số 84/2012/HSST.

Bị bắt, tạm giam ngày 14.01.2021. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Trần Thị N – Sinh năm 2000; Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Từ Thị Th – Sinh năm 1957; trú tại: K45/H17/15 đường L, tổ 49, phường X, quận T, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

2. Chị Trần Thị Thanh T2 – Sinh năm 1989; trú tại: K45/H17/15 đường L, tổ 49, phường X, quận T, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 23/10/2020, chị Trần Thị N (sinh năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) dọn dẹp nơi ở của mình tại phòng trọ thuộc nhà số 295 đường H, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau khi làm xong, chị N vào trong nhà kiểm tra thì phát hiện 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen đang để sạc pin tại vị trí gần cửa chính bị mất nên trình báo cơ quan chức năng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu sau khi tiếp nhận thông tin đã tiến hành trích xuất dữ liệu camera tại hiện trường, xác định lúc 07 giờ 00 phút ngày 23/10/2020 Trần Thanh T điều khiển xe mô tô BKS 43C1-130.50, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen-trắng đi đến để xe tại vỉa hè trước nhà số 295 Hồ Tùng Mậu, sau đó đi vào khu trọ rồi quay lại lên xe bỏ đi.

Xác minh xe mô tô 43C1-130.50, chủ sở hữu là bà Từ Thị Th (sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K45/H17/15 đường L, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng). Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với bà Th thì bà Th khai nhận: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 23/10/2020, bà Th để xe mô tô biển kiểm soát 43C1-130.50 tại nhà thì con ruột bà Th là Trần Thanh T mang xe đi, đến 09 giờ 00 thì để xe lại tại nhà rồi bỏ đi đâu không rõ. Nghi vấn T là đối tượng trộm chiếc điện thoại của chị N, Cơ quan cảnh sát điều tra đã vận động gia đình yêu cầu T đến cơ quan điều tra trình diện và giao nộp tài sản đã trộm cắp.

Đến ngày 13/11/2020, em gái của T là Trần Thị Thanh T2 (sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K45/H17/15 đường Lê Độ, tổ 49 phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng) đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu đen cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Chị T2 khai đây là điện thoại do anh trai mình là T trộm cắp, sau khi trộm được tài sản, T mang về nhà cất giấu vào tủ quần áo cá nhân rồi bỏ đi, biết cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu đang truy tìm mình nên T gọi về cho em gái nhờ lấy giao nộp cho Cơ quan công an còn bản thân bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 14/01/2021, T bị Phòng Cảnh sát Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bắt giữ theo quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu tại phường T, quận H, TP Đà Nẵng.

Vật chứng thu giữ do chị Trần Thị Thanh T2 – em gái của T giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max 64Gb, màu đen, số seri: F2NXM347KPHC, số Imei 1: 357278097052329, số Imei 2: 357278097217526, số máy: MT5K2LL/A.

Theo Kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐG ngày 19/11/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Liên Chiểu: Tổng giá trị của 01 tài sản bị xâm hại nêu trên là 12.960.000 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS, ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Trần Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Trần Thanh T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh T đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo thấy được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần Thanh T và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thanh T trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 23/10/2020 tại phòng trọ thuộc nhà số 295 đường H, phường M, quận L, TP. Đà Nẵng, nhân lúc chị Trần Thị N dọn dẹp nơi ở, Trần Thanh T đã lén lút lấy 01 (một) máy điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max (màu đen), đang để sạc pin tại vị trí gần cửa chính. Giá trị của tài sản bị chiếm đoạt là 12.960.000 đồng (mười hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thanh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trần Thanh T có khả năng nhận thức được việc xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân nên đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, là một trong các quyền quan trọng được pháp luật bảo vệ, gây bất bình, hoang mang, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Trần Thanh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi chiếm đoạt điện thoại di động bị cáo đã chủ động liên lạc với em gái nhờ lấy điện thoại giao nộp cho cơ quan Công an nhằm khắc phục hậu quả. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Trần Thanh T có nhân thân xấu: Ngày 30/9/1999 bị TAND quận T, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 73/2019/HSST; Ngày 27/11/2002 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 78/2002/HSPT; Ngày 09/8/2012 bị TAND quận H, TP Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án số 84/2012/HSST.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo dưới sự giám sát của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện chị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Trong vụ án này, Trần Thanh T có hành vi sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43C1-130.50 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng, số khung: C640BY620112, số máy: 5C64620124 của bà Từ Thị Th, T tự ý lấy xe sử dụng, bà Th không biết T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với bà Th là có căn cứ.

Đối với chị Trần Thị Thanh T2, chị T2 không biết trước việc T đi trộm cắp tài sản, không tham gia vào việc trộm cắp. Chị T2 chỉ trả lại tài sản theo sự nhờ vả của T nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị

Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thanh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Thanh T **12 (mười hai) tháng** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2021.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Công an Q. Liên Chiểu;
- Nhà tạm giữ công an Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trinh